

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/7/2016)
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 9(b) và Thuyết minh 21 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 364.061 triệu VND (1/1/2016: 369.532 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-124-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.452.908.154.398	2.683.812.929.222
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	1.740.618.624.892	1.712.384.244.945
Tiền	111		143.938.624.892	129.517.613.946
Các khoản tương đương tiền	112		1.596.680.000.000	1.582.866.630.999
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.500.000.000	64.041.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	31.500.000.000	64.041.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		542.910.713.695	810.737.912.616
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	55.618.219.833	53.691.752.369
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		118.175.058.836	49.088.672.954
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11(a)	144.199.388.608	252.084.388.608
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	224.918.046.418	455.873.098.685
Hàng tồn kho	140	13	53.966.526.830	53.891.489.923
Hàng tồn kho	141		53.966.526.830	53.891.489.923
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.912.288.981	42.758.281.738
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.530.709.024	725.425.448
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		81.820.981.640	41.636.902.032
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(a)	560.598.317	395.954.258

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.750.786.101.055	4.363.320.570.302
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.341.132.979.967	81.892.479.263
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11(b)	1.315.818.540.108	76.581.325.763
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	25.314.439.859	5.311.153.500
Tài sản cố định	220		710.259.731.792	476.848.349.915
Tài sản cố định hữu hình	221	14	641.341.933.696	424.308.792.043
<i>Nguyên giá</i>	222		1.086.664.935.352	839.516.219.227
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(445.323.001.656)	(415.207.427.184)
Tài sản cố định vô hình	227	15	68.917.798.096	52.539.557.872
<i>Nguyên giá</i>	228		80.459.181.210	63.079.878.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.541.383.114)	(10.540.320.728)
Tài sản dở dang dài hạn	240		710.729.322.479	871.558.660.940
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	710.729.322.479	871.558.660.940
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	2.909.719.136.869	2.866.034.347.772
Đầu tư vào công ty con	251		1.779.283.421.531	1.704.267.511.368
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.029.713.925.491	1.050.783.663.576
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		119.013.014.831	125.882.844.878
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.291.224.984)	(14.899.672.050)
Tài sản dài hạn khác	260		78.944.929.948	66.986.732.412
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	78.944.929.948	66.986.732.412
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.203.694.255.453	7.047.133.499.524

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.894.709.330.495	1.476.839.208.421
Nợ ngắn hạn	310		886.269.210.731	731.048.574.636
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	80.120.280.070	139.445.627.098
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.947.109.915	6.166.202.582
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	1.037.109.177	972.119.820
Phải trả người lao động	314		14.930.170.310	23.876.340.303
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20(a)	6.808.308.072	4.372.905.902
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		213.000.000	426.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	705.187.907.933	456.257.047.819
Vay ngắn hạn	320	22(a)	42.337.781.466	73.745.026.808
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	31.687.543.788	25.787.304.304
Nợ dài hạn	330		2.008.440.119.764	745.790.633.785
Chi phí phải trả dài hạn	333	20(b)	27.037.152.000	27.511.488.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.378.500.000	2.378.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		181.372.730	192.815.930
Vay dài hạn	338	22(b)	1.978.843.095.034	715.707.829.855
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.308.984.924.958	5.570.294.291.103
Vốn chủ sở hữu	410	24	5.272.401.049.319	5.531.865.514.650
Vốn cổ phần	411	25	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.825.203.283	266.289.668.614
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.975.185.184	-
- Lợi nhuận sau thuế của kỳ/năm	421b		3.850.018.099	266.289.668.614
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	27	235.664.195.144	235.664.195.144
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		36.583.875.639	38.428.776.453
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	28	36.583.875.639	38.428.776.453
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.203.694.255.453	7.047.133.499.524

Ngày 30 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:




Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	254.047.281.918	167.275.930.045
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	-	46.352.636
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	254.047.281.918	167.229.577.409
Giá vốn hàng bán	11	31	240.566.288.689	147.021.657.969
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		13.480.993.229	20.207.919.440
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	98.390.958.904	68.827.629.207
Chi phí tài chính	22	33	20.976.209.602	11.493.212.748
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.385.941.844	8.994.927.977
Chi phí bán hàng	25		8.118.779.891	3.763.551.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	79.514.445.197	72.222.188.419
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		3.262.517.443	1.556.595.549
Thu nhập khác	31		661.078.564	871.026.047
Chi phí khác	32		73.577.908	1.204.670.592
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		587.500.656	(333.644.545)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.850.018.099	1.222.951.004
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	269.049.220
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		3.850.018.099	953.901.784

Ngày 30 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.850.018.099	1.222.951.004
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		36.601.694.831	27.553.201.414
Các khoản dự phòng	03		3.391.552.934	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.215.224.775)	1.923.530.683
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(88.722.459.970)	(67.429.810.394)
Chi phí lãi vay	06		13.385.941.844	8.994.927.977
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(35.708.477.037)	(27.735.199.316)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(117.691.032.966)	(37.119.819.596)
Biến động hàng tồn kho	10		(75.036.907)	5.275.178.311
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.426.224.902)	(16.175.236.888)
Biến động chi phí trả trước	12		(21.340.791.663)	5.230.101.005
			(188.241.563.475)	(70.524.976.484)
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.377.881.421)	(10.976.444.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(81.600.165)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	84.689.591.180
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.720.961.079)	(304.867.688.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(210.340.405.975)	(301.761.119.183)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

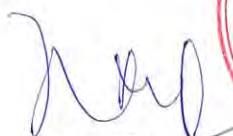
Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(334.147.053.193)	(281.204.792.682)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.121.774.122.816)	(42.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		65.544.286.359	111.930.250.001
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		26.571.553.000	387.299.381.422
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		266.896.571.616	233.016.777.466
Tiền giảm do điều chuyển tài sản cho các đơn vị khác			(2.498.805)	(1.742.623.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.099.911.263.839)	406.798.993.137
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.808.211.197.859	497.300.763.982
Tiền trả nợ gốc vay	34		(469.725.148.098)	(97.478.689.487)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.338.486.049.761	399.822.074.495
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		28.234.379.947	504.859.948.449
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.712.384.244.945	1.745.124.016.452
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	1.740.618.624.892	2.249.983.964.901

Ngày 30 tháng 8 năm 2016


Người lập:


 Đặng Thị Hải
 Chuyên viên Kế toán


 Phạm Văn Tân
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Lê Tiến Trường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 1.310 nhân viên (1/1/2016: 2.057 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 thay vì ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu, như theo các quy định hiện hành do theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của công ty cổ phần và các đơn vị khác đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh (c)(ii)).

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu là từ thu nhập cổ tức được chia từ các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn. Do việc chia cổ tức thường được các đơn vị nhận đầu tư công bố và xác nhận vào thời điểm cuối năm tài chính, thu nhập từ cổ tức và theo đó lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường thấp trong nửa đầu năm.

Cho kỳ 12 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, thu nhập từ cổ tức của Tập đoàn là 332.766 triệu đồng (12 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 – chưa soát xét: 250.599 triệu đồng) và lợi nhuận trước thuế đạt 269.365 triệu đồng (12 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 – chưa soát xét: 265.936 triệu đồng).

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoài vấn đề được trình bày trong Thuyết minh 9(b) và Thuyết minh 21(ii), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh lý một số công ty liên kết. Chi tiết được trình bày trong Thuyết minh 9(b).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.149.371.140	1.257.270.668
Tiền gửi ngân hàng	142.789.253.752	128.260.343.278
Các khoản tương đương tiền	1.596.680.000.000	1.582.866.630.999
	1.740.618.624.892	1.712.384.244.945

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 có 68.455 triệu VND tương ứng với khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 21(i)).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 có 91.572 triệu VND là tiền được Ngân sách Nhà nước giải ngân cho các dự án của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 992/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2015.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 80.000 triệu VND (1/1/2016: Không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	31.500.000.000	31.500.000.000	64.041.000.000	64.041.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 5,3% (2015: từ 5,0% đến 6,0%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016						1/1/2016					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:												
▪ Công ty con												
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)	(*)	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)	(*)
• Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương	100%	100%	156.584.867.884	-	(*)	(*)	100%	100%	156.584.867.884	-	(*)	(*)
• Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	162.142.895.063	-	(*)	(*)	100%	100%	162.142.895.063	-	(*)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	150.422.075.950	-	(*)	(*)	68,21%	68,21%	150.422.075.950	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	-	(*)	(*)	68,34%	68,34%	23.107.500.000	-	(*)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	134.385.103.590	-	(*)	(*)	57,57%	57,57%	134.385.103.590	-	(*)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	(*)
• Công ty Dệt Kim Đông Xuân	100%	100%	115.815.363.458	-	(*)	(*)	100%	100%	115.815.363.458	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.259.101.159	-	(*)	(*)	67,15%	67,15%	28.259.101.159	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam												
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(2.621.882.984)	(*)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	55,00%	55,00%	24.750.000.000	(2.475.000.000)	(*)	(*)	55,00%	55,00%	24.750.000.000	(2.475.000.000)	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	(*)	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)	(*)	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	65,54%	65,54%	150.734.318.000	-	(*)	(*)	65,54%	65,54%	150.734.318.000	-	(*)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (i)	100%	100%	75.015.910.163	-	(*)	(*)	-	-	-	-	(*)	(*)
			1.779.283.421.531	(5.096.882.984)					1.704.267.511.368	(2.475.000.000)		
▪ Công ty liên kết												
• Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo (ii)	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)	(*)	27,00%	27,00%	38.165.460.248	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần May Đực Giang	36,79%	36,79%	46.158.338.796	-	(*)	(*)	36,79%	36,79%	46.158.338.796	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)	(*)
• Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	35,51%	35,51%	53.808.418.752	-	(*)	(*)	35,51%	35,51%	53.808.418.752	-	(*)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (iii)	31,92%	31,92%	282.635.440.119	-	(*)	(*)	47,88%	47,88%	282.635.440.119	-	(*)	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex (iv)	-	-	-	-	(*)	(*)	44,16%	44,16%	7.918.626.154	-	(*)	(*)
• Công ty Cổ phần May Phương Đông (iv)	-	-	-	-	(*)	(*)	25,50%	25,50%	13.083.311.931	-	(*)	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			306.004.865.034	-	(*)	(*)			301.201.865.034	-	(*)	(*)
			1.029.713.925.491	-					1.050.783.663.576	-		

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2016			1/1/2016						
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị khác Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (V) 	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(13.194.342.000)	61.573.596.000	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng Quý Đầu tư Việt Nam Các khoản đầu tư khác 	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
	0,39%	0,39%	3.231.284.043	-	(*)	0,67%	0,67%	5.619.624.421	-	(*)
			15.124.307.453	-	(*)			19.605.797.122	-	(*)
			119.013.014.831	(13.194.342.000)				125.882.844.878	(12.424.672.050)	
			2.928.010.361.853	(18.291.224.984)				2.880.934.019.822	(14.899.672.050)	

Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tại chính trị thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 21, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công Thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tính toán và xác định chính xác khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp theo chỉ đạo của Văn phòng Thủ tướng. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần có thể sẽ được điều chỉnh theo kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

(i) Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex được thành lập theo Nghị quyết số 05/NQ-TĐĐMVN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313767685 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2016.

Trong kỳ, căn cứ Nghị quyết số 10A/NQ-TĐĐMVN ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bán giao một số tài sản và nợ phải trả của Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang, Dự án Nhà máy May Vinatex Cần Thơ, Dự án Nhà máy May Vinatex Bạc Liêu cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex, với giá trị ghi sổ cụ thể như sau:

	Nhà máy May Kiên Giang VND	Nhà máy May Vinatex Cần Thơ VND	Dự án Nhà máy May Vinatex Bạc Liêu VND	Tổng VND
Tiền gửi ngân hàng	2.498.805	-	-	2.498.805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	352.281.660	-	-	352.281.660
Phải thu ngắn hạn khác	477.637.073	-	-	477.637.073
Tài sản cố định	71.501.286.753	-	-	71.501.286.753
Xây dựng cơ bản dở dang	-	48.767.611.829	34.499.387.545	83.266.999.374
Chi phí trả trước dài hạn	25.784.312.265	-	-	25.784.312.265
Phải trả trước dài hạn	(707.617.306)	-	-	(707.617.306)
Phải trả người bán ngắn hạn	(2.882.390.073)	-	-	(2.882.390.073)
Phải trả người lao động	(62.082.815.253)	(27.585.425.074)	(13.110.858.061)	(102.779.098.388)
Vay dài hạn	32.445.193.924	21.182.186.755	21.388.529.484	75.015.910.163

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo tương ứng với số cổ tức được chia từ công ty này cho năm 2014 là 4.871 triệu VND do khoản cổ tức này đã được sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần.
- (iii) Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty liên kết này.
- (iv) Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh lý toàn bộ các khoản đầu tư này trong kỳ.
- (v) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.
- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 16 công ty con cấp 1 (1/1/2016: 15 công ty con cấp 1) và 20 công ty liên kết (1/1/2016: 22 công ty liên kết). Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ là 75.463 triệu VND được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan		
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	395.085.583	4.163.767.647
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	1.354.986.568	3.269.075.788
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	1.500.000.000	3.109.591.063
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	1.078.876.260	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex	264.256.257	224.403.549
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	2.469.135.290	50.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	1.131.511.205	443.895.185
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	3.253.091.384	10.656.537.864
▪ Ozon Tekstil Konfeksiyon San. ve Tic. A.S.	1.070.979.221	8.523.438.840
▪ Công ty Cổ phần Siêu thị Vinmart	5.636.884.305	7.223.195.525
▪ Biliciler Tekstil Orme San.Ve Tic.Ltd.Sti	5.098.834.591	2.036.154.834
▪ Ozen Mensucat Boya Terbiye Isletmeleri A.S.	4.095.565.970	-
▪ Tai Zeus International Corporation	4.070.287.008	2.009.246.692
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương Mại Tài Nguyên	5.126.976.975	4.304.258.006
▪ Các khách hàng khác	21.430.547.557	7.678.187.376
	<hr/> 55.618.219.833	<hr/> 53.691.752.369 <hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	59.999.388.608	74.999.388.608
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	-	42.996.540.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	25.700.000.000	25.700.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	6.500.000.000	17.500.000.000
Phải thu về cho vay từ các công ty khác		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	32.000.000.000	68.888.460.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt Sơn Trà	-	2.000.000.000
	144.199.388.608	252.084.388.608

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không được bảo đảm, hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 7,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: từ 0% đến 7,5%) một năm.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan			
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (i)	2017	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2035	76.916.333.021	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	2035	207.382.155.754	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	2035	503.791.192.596	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (ii)	2036	18.907.270.533	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	2035	202.831.561.539	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (ii)	2035	35.245.609.367	-
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 1 (ii)	2035	71.700.000.006	-
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 2 (iii)	2018	26.889.814.936	-
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 3 (iv)	2020	95.576.562.952	-
Phải thu về cho vay từ các bên khác		591.000.000	594.286.359
		1.315.818.540.108	76.581.325.763

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May. Khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định 5,5% một năm.
- (ii) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 22(b)(iv)). Các khoản cho vay này hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất cố định 5,5% một năm.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và không hưởng lãi suất.

12. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	4.983.386.648	4.939.586.648
Cổ tức phải thu	164.923.547.173	336.823.058.360
Tiền lãi cho vay	5.125.529.384	6.988.421.743
Lãi tiền gửi	7.605.951.666	7.649.644.634
Phải thu từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	26.889.814.936
Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	22.500.000.000	22.500.000.000
Phải thu từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 liên quan đến khoản trợ cấp thất nghiệp	-	15.691.562.952
Tạm ứng cho công nhân viên	5.067.637.401	2.570.188.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng được hoàn	-	19.065.245.191
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.711.994.146	12.755.576.221
	<hr/>	<hr/>
	224.918.046.418	455.873.098.685
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	22.530.793.864	60.729.316.657
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	58.569.842.960	58.020.656.841
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	2.227.150.502	44.627.801.679
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	40.217.760.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	10.949.036.295	32.227.446.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	22.500.000.000	22.500.000.000
Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	-	19.710.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	25.676.577.685	17.763.645.637
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	17.676.556.500	16.153.620.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	6.766.587.105	14.745.748.500
Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	4.230.339.200	14.230.339.200
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	-	12.600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	10.505.687.063	8.866.269.693
Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	-	7.959.238.000
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	-	7.102.360.000
Các công ty liên quan khác	10.810.418.145	30.802.734.209
	<hr/>	<hr/>
	192.442.989.319	408.256.936.416

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan		
Ứng trước cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	10.000.000.000	-
Ứng trước cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	10.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	5.311.153.500	5.311.153.500
Khác	3.286.359	-
	<hr/>	<hr/>
	25.314.439.859	5.311.153.500

- (i) Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex được thành lập theo Nghị quyết số 05/NQ-TĐDMVN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107386444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 4 năm 2016.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục để chuyển giao tài sản và góp vốn vào Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Nguyên vật liệu	20.634.127.284	32.270.541.941
Công cụ và dụng cụ	79.204.127	130.301.491
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.871.958.850	7.837.574.406
Thành phẩm	10.744.193.690	10.582.367.446
Hàng hóa	637.042.879	786.436.723
Hàng gửi đi bán	-	2.284.267.916
	<hr/>	<hr/>
	53.966.526.830	53.891.489.923
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	377.859.225.851	395.879.639.587	41.796.451.568	23.980.902.221	839.516.219.227
Tăng do mua sắm trong kỳ	-	1.228.828.071	1.312.338.727	318.712.827	2.859.879.625
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	45.545.307.063	267.705.666.086	3.608.584.005	2.090.017.766	318.949.574.920
Xóa sổ	-	-	(660.909.091)	(32.949.896)	(693.858.987)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	(45.545.307.064)	(25.121.615.034)	(2.744.545.677)	(555.411.658)	(73.966.879.433)
Số dư cuối kỳ	377.859.225.850	639.692.518.710	43.311.919.532	25.801.271.260	1.086.664.935.352
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	163.015.821.841	225.847.967.562	16.140.362.487	10.203.275.294	415.207.427.184
Khấu hao trong kỳ	9.608.311.168	19.429.958.254	2.527.800.636	1.708.956.081	33.275.026.139
Xóa sổ	-	-	(660.909.091)	(32.949.896)	(693.858.987)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	(1.265.147.425)	(1.050.984.115)	(114.496.640)	(34.964.500)	(2.465.592.680)
Số dư cuối kỳ	171.358.985.584	244.226.941.701	17.892.757.392	11.844.316.979	445.323.001.656
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	214.843.404.010	170.031.672.025	25.656.089.081	13.777.626.927	424.308.792.043
Số dư cuối kỳ	206.500.240.266	395.465.577.009	25.419.162.140	13.956.954.281	641.341.933.696

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 58.000 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 53.537 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 481.682 triệu VND (1/1/2016: 268.649 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	62.544.728.600	535.150.000	63.079.878.600
Tăng trong kỳ	16.289.120.610	-	16.289.120.610
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.090.182.000	1.090.182.000
Số dư cuối kỳ	78.833.849.210	1.625.332.000	80.459.181.210
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.005.170.728	535.150.000	10.540.320.728
Khấu hao trong kỳ	181.696.998	819.365.388	1.001.062.386
Số dư cuối kỳ	10.186.867.726	1.354.515.388	11.541.383.114
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	52.539.557.872	-	52.539.557.872
Số dư cuối kỳ	68.646.981.484	270.816.612	68.917.798.096

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 535 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	871.558.660.940	56.159.731.797
Tăng trong kỳ/năm	263.854.926.667	870.378.258.829
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(318.949.574.920)	(54.979.329.686)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình hình	(1.090.182.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(21.377.508.834)	-
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	(83.266.999.374)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	710.729.322.479	871.558.660.940

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà máy Sợi Phú Hưng	391.707.462	61.266.240
Nhà máy Sợi Nam Định	253.935.832.124	168.030.012.763
Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	10.907.264.795	262.300.252.185
Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	-	97.912.389.378
Nhà máy Sợi Phú Cường	376.488.198.758	316.442.844.422
Nhà máy May Cần Thơ	12.694.896.722	16.766.700.616
Nhà máy May Bạc Liêu	14.659.149.506	2.689.326.746
Nhà máy May Quảng Bình	29.283.246.820	648.291.111
Nhà máy May Tuyên Quang	5.085.739.057	623.875.946
Các công trình khác	7.283.287.235	6.083.701.533
	<hr/>	<hr/>
	710.729.322.479	871.558.660.940

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 685.274 triệu VND (1/1/2016: 839.643 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 8.916 triệu VND (2015: 11.833 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	52.470.661.466	6.838.849.249	3.745.971.916	3.931.249.781	66.986.732.412
Tăng do mua sắm trong kỳ	-	24.884.178.346	-	3.717.646.038	28.601.824.384
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	19.636.363.635	-	-	1.741.145.199	21.377.508.834
Phân bổ trong kỳ	(3.234.014.142)	(4.937.034.168)	(936.492.978)	(3.129.282.129)	(12.236.823.417)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	(5.293.056.950)	(18.818.878.657)	-	(1.672.376.658)	(25.784.312.265)
Số dư cuối kỳ	63.579.954.009	7.967.114.770	2.809.478.938	4.588.382.231	78.944.929.948

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 20.138 triệu VND được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	3.469.409.520	3.469.409.520
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	2.360.051.760	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	1.891.593.462	1.845.156.022
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	811.189.935	-
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	-	2.823.799.815
Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	-	2.401.517.216
Các công ty liên quan khác	45.553.152	142.456.250
Phải trả người bán khác		
Nataka Corporate Private Limited	36.239.054.400	13.694.289.700
Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam	3.359.958.000	21.922.431.000
Công ty TNHH Bentex Trading	5.835.372.195	19.954.394.026
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Thờ Thiên Huế	4.152.834.437	1.709.860.364
Shanghai Weishi Machinery Co., Ltd.	3.096.435.700	-
Truetzschler GmbH & Co. KG	-	28.459.042.634
Các nhà cung cấp khác	18.858.827.509	43.023.270.551
	80.120.280.070	139.445.627.098

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

19. Thuế và các khoản thu/phải nộp Ngân sách Nhà nước**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã thu được trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	220.220.199	-	-	220.220.199
Thuế xuất, nhập khẩu	24.633.387	182.144.497	(17.500.438)	189.277.446
<i>Văn phòng</i>	24.633.387	182.144.497	(17.500.438)	189.277.446
Các khoản phải thu khác				
Khác	151.100.672	-	-	151.100.672
<i>Văn phòng</i>	151.100.672	-	-	151.100.672
	395.954.258	182.144.497	(17.500.438)	560.598.317

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2016 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	447.293.147	12.993.933.309	-	(1.428.519.354)	(11.358.384.831)	654.322.271
<i>Văn phòng</i>	-	4.943.474.743	-	-	(4.943.474.743)	-
<i>Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	431.772.882	-	-	(431.772.882)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	3.191.246.986	-	-	(3.191.246.986)	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	129.512.157	1.692.266.571	-	(931.343.519)	(236.112.938)	654.322.271
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	317.780.990	852.858.798	-	(497.175.835)	(673.463.953)	-
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	-	1.882.313.329	-	-	(1.882.313.329)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	21.415.380.373	(21.415.329.962)	-	50.411
<i>Văn phòng</i>	-	-	21.194.110.634	(21.194.060.223)	-	50.411
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	-	69.545.939	(69.545.939)	-	-
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	-	-	151.723.800	(151.723.800)	-	-
Thuế nhà thầu	338.657.768	-	1.068.664.505	(1.213.704.687)	-	193.617.586
<i>Văn phòng</i>	338.657.768	-	1.068.664.505	(1.213.704.687)	-	193.617.586
Các loại thuế khác	186.168.905	-	2.228.350.562	(2.225.400.558)	-	189.118.909
+ Thuế môn bài	-	-	8.500.000	(8.500.000)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<i>Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	-	-	1.500.000	(1.500.000)	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2016 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2016 VND
+ Thuế nhập khẩu	-	-	5.904.217	(5.904.217)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	5.904.217	(5.904.217)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	186.168.905	-	2.213.946.345	(2.210.996.341)	-	189.118.909
Văn phòng	155.653.510	-	1.824.352.647	(1.907.481.670)	-	72.524.487
Nhà máy Sợi Phú Hưng	26.733.517	-	328.688.246	(264.962.268)	-	90.459.495
Nhà máy May Kiên Giang	2.964.985	-	600.000	-	-	3.564.985
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	-	20.398.285	(9.018.587)	-	11.379.698
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	816.893	-	39.907.167	(29.533.816)	-	11.190.244
Các khoản phải nộp khác						
Tiền thuê đất	-	-	2.637.419.977	(2.637.419.977)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	2.163.083.977	(2.163.083.977)	-	-
Văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	474.336.000	(474.336.000)	-	-
	972.119.820	12.993.933.309	27.349.815.417	(28.920.374.538)	(11.358.384.831)	1.037.109.177

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	-	1.243.454.545
Lãi vay	2.884.988.423	876.928.000
Phí cam kết cho khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.508.939.954	-
Chi phí phải trả khác	1.465.707.695	1.303.851.357
	<hr/> 5.859.636.072	<hr/> 3.424.233.902
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/> 6.808.308.072	<hr/> 4.372.905.902

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	27.985.824.000	28.460.160.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/> 27.037.152.000	<hr/> 27.511.488.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.522.930.475	2.313.736.943
Phải trả các công ty liên quan	1.167.323.362	1.167.830.862
Quỹ từ thiện	3.505.948.287	3.551.073.470
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	68.455.091.012	68.455.091.012
Cổ tức phải trả	250.000.000.000	-
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	364.061.259.133	369.532.259.133
Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi phân bổ cho công ty con	2.164.282.867	-
Các khoản phải trả khác	5.861.827.194	5.787.810.796
	705.187.907.933	456.257.047.819

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	57.447.120.513	57.447.120.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May		
Thời trang Hà Nội	10.289.000.000	10.289.000.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	718.970.499	718.970.499
	68.455.091.012	68.455.091.012

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 9(b)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	45.666.623.217	111.468.352.269	(114.797.194.020)	42.337.781.466
Vay dài hạn đến hạn trả	28.078.403.591	-	(28.078.403.591)	-
	73.745.026.808	111.468.352.269	(142.875.597.611)	42.337.781.466

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế	USD	1,5%	27.398.778.496	21.357.846.874
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	USD	1,6%	14.939.002.970	6.780.437.720
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	5,4%	-	14.081.542.648
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	VND	5,7%	-	3.446.795.975
			42.337.781.466	45.666.623.217

Các khoản vay ngắn hạn còn số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 không được đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - VND 1	-	36.030.133.259
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - VND 2	-	2.128.458.520
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - USD 1	-	92.838.443.752
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - USD 2 (i)	7.280.839.900	13.995.321.994
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - USD (ii)	88.225.587.981	1.984.536.554
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - VND (ii)	43.616.548.506	15.760.863.605
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình (iii)	21.561.131.662	-
Ngân hàng Phát triển Châu Á - USD (iv)	1.376.978.848.111	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (v)	1.495.969.583	3.261.603.591
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - VND (vi)	3.560.442.642	3.560.442.642
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - USD (vi)	186.832.213.617	180.958.446.627
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình - USD (vii)	239.131.550.537	211.299.947.023
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình - VND (vii)	6.645.588.580	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - VND (viii)	3.192.677.915	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - USD (viii)	321.696.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	-	39.957.272.526
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	91.680.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VND	-	36.091.952.333
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - USD	-	14.238.811.020
	<hr/>	<hr/>
	1.978.843.095.034	743.786.233.446
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	-	(28.078.403.591)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.978.843.095.034	715.707.829.855
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Nhà máy Sợi Phú Hưng với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 50.230 triệu VND (1/1/2016: 205.967 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất cố định 3,3% một năm và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được hoàn trả trong 34 kỳ hàng quý.
- (ii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 253.936 triệu VND (1/1/2016: 168.030 triệu VND). Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định là 8,5% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định là 3,8% một năm. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 của hai khoản vay này được hoàn trả trong 32 kỳ hàng quý, bắt đầu từ tháng 9 năm 2017.
- (iii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quảng Bình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 29.283 triệu VND. Khoản vay này bằng VND, chịu lãi suất cố định là 6,5% một năm trong năm đầu tiên, từ năm thứ 2 trở đi, lãi suất năm được điều chỉnh vào các ngày 1 tháng 6 và ngày 1 tháng 12 hàng năm theo công thức: lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng (+) 2%. Khoản vay được hoàn trả trong 29 kỳ hàng quý, bắt đầu từ tháng 3 năm 2017.
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 194.989 triệu VND;
 - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 696.038 triệu VND;
 - các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 80.000 triệu VND; và
 - 5.331.296 cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 75.463 triệu VND.

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 4.176 triệu VND (1/1/2016: 4.515 triệu VND), chịu lãi suất cố định là 8,9% một năm và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được hoàn trả trong vòng 16 kỳ hàng quý.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (vi) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với tổng giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 263.332 triệu VND (1/1/2016: 257.258 triệu VND). Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định 8,5% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định 3,55% một năm. Hai khoản vay này chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (vii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 376.488 triệu VND (1/1/2016: 316.443 triệu VND). Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định 8,0% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định 3,8% một năm. Hai khoản vay này chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (viii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Bạc Liêu với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 14.659 triệu VND. Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định 5,7% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định 3,3% một năm. Hai khoản vay này chưa có lịch trả nợ cụ thể.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	25.787.304.304	35.122.108.960
Trích lập trong kỳ/năm	13.314.483.430	-
Sử dụng trong kỳ/năm	(5.249.961.079)	(9.334.804.656)
Phân phối cho các công ty con	(2.164.282.867)	-
Số dư cuối năm	31.687.543.788	25.787.304.304

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn		Tổng VND
					đầu tư xây dựng cơ bản VND	VND	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.299.595.911.499	-	730.315.739.393	-	-	-	5.029.911.650.892
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	953.901.784	-	-	953.901.784
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.000.000.000.000	29.911.650.892	-	953.901.784	-	-	5.030.865.552.676
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	-	266.289.668.614	235.664.195.144	-	5.531.865.514.650
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.850.018.099	-	-	3.850.018.099
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.314.483.430)	-	-	(13.314.483.430)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(250.000.000.000)	-	-	(250.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	-	6.825.203.283	235.664.195.144	-	5.272.401.049.319

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 6 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án bao gồm: Dự án đầu tư Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án đầu tư Nhà máy Sợi Nam Định và Dự án đầu tư Nhà máy Sợi Phú Cường. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

28. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	38.428.776.453	42.121.552.000
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(1.844.900.814)	(3.692.775.547)
Số dư cuối kỳ/năm	36.583.875.639	38.428.776.453

29. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.721.624	38.369.285.447	1.387.175	31.144.740.365
EUR	195	4.818.811	201	4.912.433
		38.374.104.258		31.149.652.798

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	493.585.864.591
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	359.721.996.747	155.761.701.033
	<u>359.721.996.747</u>	<u>649.347.565.624</u>

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	179.326.067.804	124.355.205.718
▪ Dịch vụ gia công	44.222.015.686	19.110.587.711
▪ Cung cấp dịch vụ	7.574.458.020	7.756.142.741
▪ Doanh thu cho thuê	13.740.192.705	12.234.195.410
▪ Khác	9.184.547.703	3.819.798.465
	<u>254.047.281.918</u>	<u>167.275.930.045</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(46.352.636)
Doanh thu thuần	<u>254.047.281.918</u>	<u>167.229.577.409</u>

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Hàng hoá đã bán	165.976.735.142	99.092.929.041
Dịch vụ gia công	65.416.757.116	20.697.432.858
Dịch vụ đã cung ứng	9.172.796.431	27.231.296.070
	<u>240.566.288.689</u>	<u>147.021.657.969</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	44.050.142.889	61.107.615.259
Cổ tức	44.169.532.213	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.191.125.246	7.500.563.358
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.511.777.393	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.024.806.927	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	443.574.236	219.450.590
	98.390.958.904	68.827.629.207

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.385.941.844	8.994.927.977
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	688.340.378	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	3.391.552.934	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	427.024.047	531.505.775
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.809.582.152	1.923.530.683
Các chi phí tài chính khác	273.768.247	43.248.313
	20.976.209.602	11.493.212.748

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.771.887.238	15.304.485.775
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.726.271.046	19.333.420.636
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.393.083.059	2.375.598.501
Chi phí điện, nước, điện thoại	4.642.087.577	4.659.236.998
Công tác phí	3.457.218.939	3.690.883.062
Chi phí thuê đất và nhà cửa	12.598.113.020	10.668.357.767
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	429.793.496	507.424.503
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.495.990.822	15.682.781.177
	79.514.445.197	72.222.188.419

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	105.995.578.275	92.203.274.712
Chi phí nhân công	65.661.120.890	39.660.121.657
Chi phí khấu hao	36.601.694.831	27.553.201.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.463.486.860	32.646.455.966
Chi phí khác	25.225.208.172	25.308.743.998

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	269.049.220

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.850.018.099	1.222.951.004
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	770.003.620	269.049.220
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	8.063.902.823	-
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(8.833.906.443)	-
	-	269.049.220

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu		Chi tiết doanh thu		Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ Văn phòng Hà Nội Văn phòng Hồ Chí Minh	110.574.755.917 28.790.420.774	26.664.452.077 14.604.810.468	83.910.299.840 13.959.574.878	4.000 226.035.428	45.499.165.482 (1.528.418.746)
2	Các đơn vị phụ thuộc Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt May Phố Nối Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi Nhà máy Sợi Phú Hưng Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh Nhà máy May Vinatex Kiên Giang Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	7.576.293.753 16.949.005.289 133.524.472.327 30.037.380.450 6.812.793.078 18.834.197.798	7.574.458.020 16.614.104.692 132.929.683.008 30.024.528.526 6.812.111.851 18.823.133.276	835.733 3.490.769 500.276.319 4.735.616 681.227 11.064.522	1.000.000 331.409.828 94.513.000 8.116.308 - -	(2.739.183.641) (10.585.556.510) 2.076.275.357 1.184.678.527 (17.302.550.992) (12.754.391.378)
3	Tổng	353.099.319.386	254.047.281.918	98.390.958.904	661.078.564	3.850.018.099

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3		
Cung cấp dịch vụ	49.665.000	279.373.500
Đầu tư góp vốn	-	20.000.000.000
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	71.700.000.006	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Bán hàng hoá	6.460.213.841	3.624.614.321
Mua hàng hóa	142.456.364	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	202.831.561.539	-
Cổ tức	10.742.482.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Cung cấp dịch vụ	1.620.207.947	1.282.323.000
Cho vay	-	17.500.000.000
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	503.791.192.596	-
Thu nhập tiền lãi	1.098.435.118	293.854.167
Hoàn trả gốc vay	11.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Mua hàng hóa	910.381.331	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	207.382.155.754	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Cho vay	5.000.000.000	25.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	1.692.970.658	1.903.171.389
Cung cấp dịch vụ	1.720.960.598	-
Hoàn trả gốc vay	20.000.000.000	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	18.907.270.533	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	5.199.493.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Mua hàng hóa	8.232.465.714	3.997.295.825
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	76.916.333.021	-
Cổ tức	6.553.666.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Cổ tức	7.757.214.760	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	35.245.609.367	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương		
Mua dịch vụ	11.034.162.162	5.995.534.038
Bán hàng hóa	15.416.707.446	-
Cổ tức	3.573.754.053	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Mua hàng hóa	27.326.499.590	16.559.881.277
Bán hàng hóa	1.941.603.969	-
Cho vay	-	75.987.039.404
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Cung cấp dịch vụ	95.400.000	71.221.909
Mua dịch vụ	60.655.200	38.764.800
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
Cổ tức	1.375.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi	758.333.334	754.166.668
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	317.814.000	301.810.500
Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	1.479.229.500	1.902.190.500
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Điều chuyển tài sản và nợ phải trả để góp vốn	75.015.910.163	-
Tiền ứng trước	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Tiền ứng trước	10.000.000.000	-
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần		
Cung cấp dịch vụ	1.666.709.958	321.000.000

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần		
Cung cấp dịch vụ	-	82.500.000
Mua hàng hoá	1.939.465.664	736.799.000
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	8.252.499.900	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hoá	2.031.124.535	2.705.581.925
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần		
Cung cấp dịch vụ	13.935.182.219	18.394.622.577
Công ty Vinatex Đà Nẵng		
Góp vốn	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Cung cấp dịch vụ	-	904.988.000
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh		
Bán hàng hóa	-	9.979.360.776
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex		
Thoái vốn	7.918.626.154	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông		
Thoái vốn	13.083.311.931	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo		
Cổ tức năm 2014	4.870.800.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao đã trả	1.155.230.000	1.362.454.367

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc điều chuyển tài sản và nợ phải trả để góp vốn vào công ty con như trình bày tại Thuyết minh 9(b), Tập đoàn còn có các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Điều chuyển một đơn vị phụ thuộc về một công ty con		
Tăng các khoản phải thu ngắn hạn	-	15.042.911.253
Giảm tài sản ngắn hạn khác	-	273.884.410
Giảm tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	-	35.240.501.179
Tăng đầu tư vào công ty con	-	20.000.000.000
Giảm chi phí trả trước dài hạn	-	2.832.730.144
Giảm vay ngắn hạn	-	1.147.575.000
Giảm các khoản nợ ngắn hạn khác	-	3.899.252.550
Giao dịch khác		
Điều chuyển tăng vốn cổ phần từ vốn khác	-	700.404.088.501
Điều chuyển tăng thặng dư vốn cổ phần từ vốn khác	-	29.911.650.892
Đổi trừ khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước với khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May cho một bên đối tác	-	219.208.552.560
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác thành khoản cho vay dài hạn	42.581.377.888	-
Giảm đầu tư vào công ty liên kết do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	4.870.800.000	-

Ngày 30 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc